

Y tế Công cộng năm 2017-Khảo sát bằng bộ công cụ DASS 21. <https://tapchihoduphong/>, 24/10/2021.

9. Thực trạng trầm cảm, lo âu, stress và hành vi, nhu cầu tìm kiếm sự trợ giúp tâm lý học sinh

lớp 12 trường trung học phổ thông Lê Quý Đôn, tỉnh Khánh Hòa, năm 2018. <http://www.tapchihocdudphong.vn/>, 24/10/2021.

NỒNG ĐỘ CRP, ALBUMIN VÀ GLOBULIN HUYẾT THANH VÀ MỐI LIÊN QUAN VỚI MỨC ĐỘ BỆNH VẢY NẾN THÔNG THƯỜNG

Nguyễn Thị Tài Linh¹, Đặng Văn Em², Vũ Thái Hà³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định nồng độ CRP, albumin, globulin huyết thanh của bệnh nhân vảy nến thông thường (VNTT) và mối liên quan với mức độ bệnh. **Phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang; gồm 2 nhóm: Nhóm nghiên cứu 55 bệnh nhân nhóm VNTT; 55 người khỏe mạnh ở nhóm đối chứng tại Bệnh viện Da liễu Trung ương. **Kết quả:** Nhóm nghiên cứu tăng nồng độ CRP huyết thanh và tỷ lệ CRP/Albumin huyết thanh tăng cao hơn nhóm đối chứng ($p < 0,001$) và có liên quan thuận với mức độ bệnh. Ngược lại, nồng độ albumin huyết thanh nhóm nghiên cứu ($39,41 \pm 3,74$ g/l) giảm so với nhóm đối chứng ($42,21 \pm 2,46$ g/l) với $p < 0,001$ và có mối liên quan nghịch với mức độ bệnh. Nồng độ globulin huyết thanh giữa nhóm VNTT ($30,09 \pm 3,19$ g/l) và nhóm đối chứng ($29,11 \pm 3,16$ g/l) là tương đương nhau ($p > 0,05$). **Kết luận:** Có sự tăng nồng độ CRP và tỷ lệ CRP/Albumin huyết thanh, giảm nồng độ albumin huyết thanh bệnh nhân VNTT và sự thay đổi có liên quan với mức độ bệnh.

Từ khóa: nồng độ CRP, tỷ lệ CRP/Albumin huyết thanh, nồng độ albumin, nồng độ globulin, bệnh vảy nến thông thường.

SUMMARY

LEVELS OF SERUM CRP, ALBUMIN, GLOBULIN IN PSORIASIS ULGARIS AND RELATIONSHIP DEGREE OF THE DISEASE

Objective: to determine levels of CRP, albumin, and globulin serum levels of patients with psoriasis vulgaris and their relationship degree of the disease. **Method:** cross sectional description; including 2 groups: Study group 55 patients with psoriasis vulgaris; 55 healthy people in the control group at the National Hospital of Dermatology. **Results:** The study group increased CRP concentration in serum and the CRP/Albumin ratio was higher than the control group ($p < 0.001$) and was related to degree of the disease. In contrast, the serum albumin concentration of the study group (39.41 ± 3.74 g/l) decreased compared to

the control group (42.21 ± 2.46 g/l) with $p < 0,001$ and had a inversely related with degree of the disease. Serum globulin concentrations between study group (30.09 ± 3.19 g/l) and control group (29.11 ± 3.16 g/l) were similar ($p > 0.05$). **Conclusion:** There was an increase in CRP level, CRP/Albumin ratio, decreased in serum albumin concentration in patients with psoriasis vulgaris and the change is related to degree of disease.

Keywords: CRP concentration, serum CRP/Albumin ratio, albumin concentration, globulin concentration, psoriasis vulgaris.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh vảy nến là bệnh viêm mạn tính, gặp ở 1-3% dân số trên thế giới. Bệnh vảy nến thông thường (VNTT) chiếm khoảng 80-85% tổng số bệnh vảy nến.

CRP là một loại protein được sản xuất chủ yếu tại gan. Các nhà khoa học thấy rằng loại protein này tăng lên khi cơ thể xuất hiện tình trạng viêm, có thể gây do vi khuẩn, virus, các bệnh lý tự miễn, ung thư... TNF- α kích thích sản xuất IL-6, từ đó kích thích gan sản xuất CRP[2]. Trong bệnh VNTT có sự gia tăng TNF- α và IL-6[3]. Ngoài ra, các nhà khoa học cũng phát hiện có sự tăng tính thấm thành mạch ở các mạch máu tại vùng da có thương tổn vảy nến, từ đó làm tăng sự thoát mạch của albumin ra ngoài tổ chức da[3]. Nồng độ globulin tăng trong các bệnh lý có tình trạng viêm, kể cả bệnh vảy nến [5]. Để đánh giá sự thay đổi CRP, albumin, CRP/albumin và globulin huyết thanh trong vệnh VNTT, chúng tôi nghiên cứu nhằm mục tiêu: Xác định nồng độ CRP, albumin, globulin huyết thanh ở bệnh nhân vảy nến thông thường và mối liên quan với mức độ bệnh.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- **Đối tượng:** gồm 55 bệnh nhân VNTT và 55 người nhóm đối chứng.

- **Phương pháp nghiên cứu:** mô tả cắt ngang

- **Cỡ mẫu:** thuận tiện

- Định lượng nồng độ CRP, albumin và globuline được tiến hành trên máy chuyên dụng tại Bệnh viện Da liễu Trung ương.

¹Trường Đại học Y Dược Thái Bình,

²Bệnh viện Trung ương quân đội 108,

³Bệnh viện Da liễu Trung ương

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Tài Linh

Email: tailinh.nd@gmail.com

Ngày nhận bài: 7.9.2021

Ngày phản biện khoa học: 25.10.2021

Ngày duyệt bài: 9.11.2021

- Xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Một số đặc điểm chung của 2 nhóm

Bảng 3.1: Đặc điểm đối tượng của 2 nhóm

Đặc điểm	Nhóm nghiên cứu	Nhóm đối chứng	p
Nam/nữ	34/21	33/22	>0,05
Tuổi trung bình	47,74±14,56	48,40±13,56	>0,05
Mức độ bệnh:			
-Nhe	21		
-Trung bình	24		
-Nặng	10		

Nhận xét: Tuổi trung bình và giới tính của 2 nhóm sự thay đổi không có ý nghĩa thống kê, đều với p>0,05.

3.2. Nồng độ CRP, Albumin, tỷ lệ CRP/Albumin (CAR), globulin huyết thanh

Bảng 3.2: So sánh nồng độ CRP, Albumin, tỷ lệ CRP/Albumin (CAR), globulin huyết thanh của 2 nhóm

Nồng độ	Nhóm nghiên cứu	Nhóm đối chứng	P
CRP(mg/L) (TBC± SD)	7,83 ± 9,17	1,82 ± 1,09	<0,001
Albumin(g/l) (TBC± SD)	39,41 ± 3,74	42,21 ± 2,46	<0,001
CAR (TBC± SD)	2,07 ± 2,39	0,43 ± 0,27	<0,001
Globulin g/l (TBC± SD)	30,09 ± 3,19	29,11 ± 3,16	>0,05

Nhận xét: Nồng độ CRP, tỷ lệ CRP/albumin huyết thanh của nhóm VNNT cao hơn so với nhóm đối chứng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p <0,001. Nồng độ albumin huyết thanh của nhóm VNNT giảm hơn nhóm đối chứng có ý nghĩa thống kê, với p<0,001 còn nồng độ globulin huyết thanh sự thay đổi không có ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm (p >0,05).

3.3. Mỗi liên quan giữa nồng độ CRP, albumin, tỷ lệ CRP/Albumin và globulin huyết thanh với mức độ bệnh vảy nến thông thường

Bảng 3.2: Mỗi liên quan giữa nồng độ CRP huyết thanh với mức độ bệnh

Mức độ bệnh	n	Nồng độ CRP (mg/L) (TBC± SD)	P
Nhe	21	2,31 ± 1,75	<0,001
Trung bình	24	6,74 ± 4,92	
Nặng	10	22,04 ± 11,76	

Nhận xét: Có mỗi liên quan thuận giữa nồng độ CRP huyết thanh với mức độ bệnh với p<0,001.

Bảng 3.4: Mỗi liên quan giữa nồng độ Albumin huyết thanh với mức độ của bệnh

Mức độ bệnh	n	Nồng độ albumin (g/l) (X ± SD)	P
Nhe	21	40.78 ± 3.24	< 0,05
Trung bình	24	39.35 ± 3.51	
Nặng	10	36.72 ± 4.08	

Nhận xét: Có mỗi liên quan nghịch giữa nồng độ albumin huyết thanh với mức độ bệnh với p<0,05. Bệnh càng nặng nồng độ albumin huyết thanh càng giảm.

Bảng 3.5: Mỗi liên quan giữa tỷ lệ CRP/Albumin huyết thanh với mức độ bệnh

Mức độ bệnh	n	CAR	p
Nhe	21	0.58 ± 0.46	< 0,001
Trung bình	24	1.77 ± 1.33	
Nặng	10	5.90 ± 2.75	

Nhận xét: Có mỗi liên quan thuận giữa tỷ lệ CRP/Albumin với mức độ của bệnh của bệnh VNNT với p<0,001

Bảng 3.6: Mỗi liên quan giữa nồng độ globulin huyết thanh với mức độ bệnh

Mức độ bệnh	Số lượng (n)	Nồng độ globulin(g/l) (X ± SD)	p
Nhe	21	30.09± 2.81	> 0,05
Trung bình	24	29.75± 3.08	
Nặng	10	31.93± 4.31	

Nhận xét: Không có mỗi liên quan giữa nồng độ globulin huyết thanh với mức độ bệnh VNNT.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Nồng độ CRP, albumin, globulin huyết thanh và tỷ lệ CRP/ albumin huyết thanh bệnh nhân vảy nến thông thường so với nhóm đối chứng. Qua bảng 3.2 cho thấy, nồng độ CRP huyết thanh trung vị ở nhóm bệnh VNNT là 7,83 ± 9,17mg/L, cao hơn so với nhóm đối chứng (1,82 ± 1,09mg/L), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê p < 0,001. Kết quả này tương tự với một số nghiên cứu trong và ngoài nước [1], [6]. Nồng độ albumin huyết thanh trung bình ở nhóm VNNT là 39.41 ± 3.74 g/l, thấp hơn so với nhóm đối chứng (42.21 ± 2.46 g/l), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p < 0,001. Kết quả này cũng tương đồng với các nghiên cứu trên thế giới [5], [7]. Tỷ lệ CRP/Albumin ở nhóm VNNT (2.07 ± 2.39) cao hơn nhóm đối chứng (0.43 ± 0.27), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,001). Nồng độ globulin huyết thanh của hai

nhóm không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

4.2. Môi liên quan giữa nồng độ CRP, albumin, globulin huyết thanh và tỷ lệ CRP/ albumin (CAR) huyết thanh với một số đặc điểm lâm sàng của bệnh VNTT. Qua bảng 3.3 cho thấy, nồng độ CRP huyết thanh thấp nhất là mức độ nhẹ ($2,31 \pm 1,75$), mức độ trung bình ($6,74 \pm 4,92$) và cao nhất là mức độ nặng ($22,04 \pm 11,76$) và có mối liên quan thuận chiều với mức độ bệnh với $p < 0,001$. Tương tự, tỷ lệ CRP/albumin huyết thanh cũng tăng dần theo mức độ bệnh, thấp nhất ở thể nhẹ, và cao nhất ở thể nặng (với $p < 0,001$). Gan tăng sản xuất CRP khi cơ thể có phản ứng viêm. Trong bệnh vẩy nến thông thường, mức độ bệnh càng nặng thì phản ứng viêm xảy ra mạnh mẽ, do đó nồng độ CRP tăng càng cao.

Ngược lại, nồng độ albumin huyết thanh giảm dần theo mức độ bệnh. Nồng độ albumin cao nhất ở thể nhẹ ($40,78 \pm 3,24$ g/l), thấp nhất ở thể nặng ($36,72 \pm 4,08$ g/l), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Lý giải kết quả này có lẽ do những bệnh nhân có mức độ nặng, diện tích da tổn thương nhiều làm tăng sự thoát albumin huyết thanh vào các khoảng gian bào ở vùng da vẩy nến.

Nồng độ globulin huyết thanh không có sự khác biệt ở các mức độ bệnh ($p > 0,05$). Đây là kết quả không phù hợp với một số tác giả khác.

V. KẾT LUẬN

- Ở bệnh VNTT, nồng độ CRP, tỷ lệ CRP/albumin huyết thanh tăng cao so với nhóm đối chứng và có liên quan thuận với mức độ bệnh.

- Nồng độ Albumin huyết thanh giảm so với nhóm đối chứng và có mối liên quan nghịch với mức độ của bệnh.

- Không có sự thay đổi nồng độ globulin ở bệnh nhân VNTT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thùy Dung (2018). Xác định nồng độ hs-CRP huyết thanh bệnh nhân vẩy nến thể mảng tại Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh, **22(1)**, 107–113.
2. Tanaka T., Narazaki M., và Kishimoto T. (2014). IL-6 in Inflammation, Immunity, and Disease. Cold Spring Harb Perspect Biol, **6(10)**, a016295.
2. Nickoloff B.J. (2007). Cracking the cytokine code in psoriasis. Nat Med, **13(3)**, 242–244.
3. Worm A.M. và Rossing N. (1977). Transcapillary escape rate of albumin and plasma volume in patients with varying degrees of psoriasis. Br J Dermatol, **97(4)**, 423–427.
4. Sheikh G., và cộng sự. (2015). Comparison of levels of serum copper, zinc, albumin, globulin and alkaline phosphatase in psoriatic patients and controls: A hospital based casecontrol study. Indian Dermatol Online J, **6(2)**, 81–83.
6. Gisondi P., Malerba M., Malara G. và cộng sự. (2010). C-reactive protein and markers for thrombophilia in patients with chronic plaque psoriasis. Int J Immunopathol Pharmacol, **23(4)**, 1195–1202.
7. Staberg B., Worm A.-M., Klemp P. và cộng sự. (1983). Transvascular transport and distribution of fluid and protein in psoriasis. Journal of the American Academy of Dermatology, **8(2)**, 193–199.

KẾT QUẢ PHẪU THUẬT ĐIỀU TRỊ GÂY KÍN THÂN XƯƠNG CÁNH TAY Ở NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH BẰNG NỤP VÍT TẠI BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

Phạm Văn Hai¹, Trần Chiến², Hoàng Văn Dung³, Vũ Mạnh Cường³

TÓM TẮT

Mục tiêu: đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị gây kín thân xương cánh tay ở người trưởng thành tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng tới kết quả điều trị. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp nghiên

cứu mô tả, thiết kế nghiên cứu cắt ngang. Nghiên cứu 35 bệnh nhân gây kín thân xương cánh tay là người trưởng thành đã được phẫu thuật kết hợp xương bằng nẹp vít tại Bệnh viện trung ương Thái Nguyên từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2020. **Kết quả:** trong số 35 bệnh nhân (27 bệnh nhân nam, 8 bệnh nhân nữ), tuổi trung bình $38,46 \pm 15,79$. Liên vết mổ kì đầu 100%. Liệt thần kinh quay sau mổ là 8,6% do sang chấn và phục hồi sau mổ 3 tháng. Không có bệnh nhân viêm xương sau mổ. Nắn chỉnh xương về đúng vị trí giải phẫu đạt 97,1%. Chậm liền xương chiếm tỉ lệ 5,7%. Khớp giả chiếm tỉ lệ 5,7%. Kết quả chung theo Neer cải tiến: Rất tốt: 80,0%, tốt 14,3%, trung bình 0%, kém 5,7%. Nhóm tuổi > 60 có kết quả điều trị kém hơn các nhóm tuổi khác, gây xương loại A có kết

¹Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên

²Trường đại học Y – Dược Thái Nguyên

³Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Văn Hai

Email: phamhaiymnb@gmail.com

Ngày nhận bài: 14.9.2021

Ngày phản biện khoa học: 2.11.2021

Ngày duyệt bài: 15.11.2021